

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/11/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Mùa Thị Đór**

2. Bà **Lường Thị Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Trần Hồng Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Th** - Sinh năm: 1985; Nơi ĐKKHKT: Đội 9, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Ngọc G** - Sinh năm 1980; Nơi ĐKKHKT: Đội 9, thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Th và anh G kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/3/2004 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc

đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh G chơi cờ bạc khiến nợ nần chồng chất. Chị Th và anh G đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm của chị Th đối với anh G không còn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh G.

- *Về con chung*: Chị Th và anh G có 03 con chung là: Trần Phương H1 - sinh ngày 15/12/2004, Trần Thị Lan H - sinh ngày 28/8/2006 và Trần Ngọc Q - sinh ngày 24/02/2017.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2020 chị Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, cháu H và để anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/9/2020 chị Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về thu nhập của chị Th từ nghề kinh doanh buôn bán thịt lợn được khoảng 16.000.000 đồng/1 tháng, chị Th đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Lý do là vì anh G hay chơi cờ bạc (không có trách nhiệm với vợ con), thường xuyên không có nhà (chỉ thỉnh thoảng mới có mặt ở nhà) nên anh G không có điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dưỡng chăm sóc các cháu.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*:

- + Tài sản chung, nợ phải trả: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Th khai không có.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 cháu: Trần Phương H1 - sinh ngày 15/12/2004, cháu Trần Thị Lan H - sinh ngày 28/8/2006 và cháu Trần Ngọc Q - sinh ngày 24/02/2017 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và công nợ:

+ Tài sản chung, nợ phải trả: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Th khai không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* *Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Đối với vi phạm của bị đơn làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án bị kéo dài. Yêu cầu bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Bùi Thị Th và anh Trần Ngọc G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Ngọc G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh G vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh G không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh G là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị Th cho rằng cuộc sống chung của anh chị có không hạnh phúc nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng và do anh G chơi cờ bạc (không có trách nhiệm với vợ con) khiến nợ nần chồng chất ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị Th khẳng định chị không còn tình cảm với anh G nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy chị Th tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh G.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh G không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh G chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương được biết cuộc sống chung của anh chị thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau nguyên nhân chủ yếu là do anh G chơi cờ bạc, nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị Th và anh G vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Th được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung*: Chị Th và anh G có 03 con chung là: Trần Phương H1 - sinh ngày 15/12/2004, cháu Trần Thị Lan H - sinh ngày 28/8/2006 và cháu Trần Ngọc Q - sinh ngày 24/02/2017. Nguyện vọng của chị Th sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu vì anh G hay chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình và do anh G thường xuyên không có nhà (chỉ thỉnh thoảng mới có mặt ở nhà) nên anh G không có điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dưỡng chăm sóc các cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh G cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, xét về mặt thực tế anh G là người hay chơi cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm với con chung và thường xuyên không có mặt ở nhà, hai cháu trên 07 tuổi là Trần Phương H1 và cháu Trần Thị Lan H đều có nguyện vọng xin được ở với chị Th. Mặt khác, tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Th khai thu nhập của chị từ nghề kinh doanh buôn bán thịt lợn được khoảng 16.000.000 đồng/1 tháng, chị Th đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con

chung chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các cháu Tòa án cần giao 03 cháu Trần Phương H1, Trần Thị Lan H và Trần Ngọc Q cho chị Th được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về quan hệ tài sản và công nợ:*

- + Tài sản chung, nợ phải trả: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Th khai không có.

**) Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Trần Ngọc G.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là: Trần Phương H1 - sinh ngày 15/12/2004, Trần Thị Lan H - sinh ngày 28/8/2006 và Trần Ngọc Q - sinh ngày 24/02/2017 cho chị Bùi Thị Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ:

- + Tài sản chung, nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2020/0000756 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ Bùi Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/11/2020). Anh Trần Ngọc G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện DB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

